

Bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế vì người nghèo tại Việt Nam

Nguyễn Hoàng Bảo

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - nguyenhoangbao2003@yahoo.com

Ngày nhận:

12/12/2013

Ngày nhận lại:

24/01/2014

Ngày duyệt đăng:

31/10/2014

Mã số:

12-13-S-07

Tóm tắt

Bài viết dựa trên dữ liệu của 63 tỉnh thành tại VN để phân tích mô tả và so sánh có kết hợp với sử dụng hệ phương trình đồng thời để nghiên cứu vấn đề bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế vì người nghèo tại VN. Các độ co giãn nghèo theo tăng trưởng kinh tế địa phương được sử dụng để nhận diện các địa phương đạt được mức tăng trưởng vì người nghèo. Độ co giãn nghèo theo hệ số Gini cũng được khảo sát để xác định tác động của bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng đối với tình trạng nghèo. Hệ phương trình đồng thời giúp phân tích tác động nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế với độ co giãn nghèo theo tăng trưởng và độ co giãn nghèo theo hệ số Gini. Kết quả nghiên cứu phát hiện ra nguyên nhân của tình trạng nghèo và tác động của tăng trưởng kinh tế địa phương đối với việc giảm nghèo, đồng thời giúp nhận diện ở đâu thì tăng trưởng giảm được nghèo – tăng trưởng vì người nghèo.

Từ khóa:

Tăng trưởng vì người nghèo, co giãn nghèo theo tăng trưởng, co giãn nghèo theo hệ số Gini, hệ phương trình đồng thời.

Key words:

Pro – poor growth, elasticity of poverty with respect to growth, elasticity of poverty with respect to Gini coefficient, simultaneous equation system model.

Abstract

The paper is to examine the cause of poverty and the impact of provincial economic growth on poverty alleviation, using the data of 63 provinces in Vietnam. The elasticity of poverty with respect to provincial economic growth is properly used to identify the province which pro – poor growth has occurred. The elasticity of poverty with respect to provincial Gini coefficient is examined to identify the impact of expenditure inequality on poverty. The simultaneous equation system helps analyze the causality effect between economic growth and the poverty elasticity with respect to growth and the poverty elasticity with respect to Gini coefficient. Results demonstrate the causes of poverty and the impact of provincial economic growth on poverty alleviation, further supporting the identification of where pro-poor growth exists.

1. GIỚI THIỆU

Tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo của VN trong ba thập niên qua là rất đáng kể. Tuy nhiên, tăng trưởng để giảm nghèo hiện chưa được phân phối đồng đều trên cả nước và vấn đề bất bình đẳng vẫn đang ảnh hưởng đến tình trạng nghèo. Có ba câu hỏi nghiên cứu nền tảng cho bài viết này, đó là: (1) Tỷ lệ TTKT địa phương quan trọng đến mức nào đối với việc giảm nghèo? (2) Bất bình đẳng địa phương (được đo bằng hệ số Gini, có tác động đến việc giảm nghèo không? Và (3) liệu có tương tác giữa các biến như TTKT, bất bình đẳng, và giảm nghèo) với các đặc điểm địa phương hay không?. Chính phủ cần biết ở đâu thì TTKT thực sự đã được chuyển hóa đến tay người nghèo, ở đâu thì không, và vấn đề bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng ở địa phương tác động như thế nào đến người nghèo. Việc lượng hóa những ảnh hưởng của TTKT đối với việc giảm nghèo, ảnh hưởng của bất bình đẳng đối với tình trạng nghèo, tương tác trong mối quan hệ giữa các biến nói trên nhằm trợ giúp quy trình xây dựng chính sách.

Mục tiêu của nghiên cứu bao gồm: (1) Tìm hiểu tác động của tỷ lệ TTKT địa phương đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo; (2) Xác định tác động của bất bình đẳng đối với việc giảm nghèo; và (3) Nhận diện tương tác của các nhân tố có thể trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến giảm nghèo thông qua mô hình hệ phương trình đồng thời. Phương pháp phân tích dữ liệu mô tả và so sánh, trong đó, có kết hợp sử dụng các kỹ thuật phân tích hồi quy hiện đại giúp độ lớn của các hệ số có ý nghĩa hơn. Các phương pháp này không những góp phần vào một sự so sánh hữu dụng, mà còn tìm ra thông số được ước lượng cho các địa phương có thể phản ánh thực tiễn trong giai đoạn khảo sát.

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng Bộ số liệu khảo sát mức sống hộ gia đình VN năm 2008 và 2010 (VHLSS2010 và VHLSS2008); các số liệu thống kê, các báo cáo của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới. Đơn vị khảo sát là cấp địa phương. Giai đoạn khảo sát là từ 2008 tới 2010.

2. LÝ THUYẾT VỀ TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, BẤT BÌNH ĐẲNG, VÀ GIẢM NGHÈO

2.1. Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng và hệ số Gini

Tác động của TTKT đối với việc giảm nghèo đã được nhiều nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách quan tâm trong mấy năm gần đây. Câu hỏi đặt ra là liệu TTKT có giảm được nghèo hay không? McKay (2007) đề xuất độ co giãn nghèo theo tăng trưởng như một công cụ để đo lường sự chuyển đổi tăng trưởng thành giảm nghèo. Nếu gọi thước

đo mức độ nghèo là P và thu nhập trung bình là μ , thì độ co giãn nghèo theo tăng trưởng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\epsilon_{P,\mu} = \frac{\partial P}{\partial \mu} \frac{\mu}{P} \quad (1)$$

Trong đó,

$\epsilon_{P,\mu}$: Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng;

μ : Thu nhập trung bình tại năm cơ sở (năm gốc);

P : Mức độ nghèo trong năm cơ sở;

∂P : Chênh lệch mức độ nghèo giữa năm hiện tại và năm cơ sở; và

$\partial \mu$: Chênh lệch thu nhập giữa năm hiện tại và năm cơ sở.

Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng ($\epsilon_{P,\mu}$) đo lường phần trăm thay đổi mức độ nghèo khi thu nhập trung bình tăng thêm 1%. Nếu tăng trưởng giảm được nghèo, độ co giãn này sẽ mang dấu âm. Độ co giãn của nghèo theo tăng trưởng đo lường tính nhạy của việc giảm nghèo theo tăng trưởng. Nếu độ co giãn này gần bằng 0, TTKT không tác động gì tới giảm nghèo. Điều này có thể kì vọng rằng khi tỉ lệ tăng trưởng tăng, sẽ có thể làm giảm đi tỉ lệ nghèo. Đây là độ co giãn toàn phần của tăng trưởng, với giả định có sự thay đổi phân phối trong thu nhập. Tuy nhiên, cũng có thể tính được các mức co giãn của nghèo theo tăng trưởng khi giả định phân phối trong thu nhập không đổi (Datt & Ravallion, 1992). Để loại trừ tác động của bất bình đẳng đối với độ co giãn của nghèo theo tăng trưởng, có thể ước lượng độ co giãn của nghèo theo hệ số Gini để biết được sự phân phối trong thu nhập có làm tăng (hay giảm) nghèo hay không:

$$\epsilon_{P,Gini} = \frac{\partial P}{\partial Gini} \frac{Gini}{P} \quad (2)$$

Trong đó,

$\epsilon_{P,G}$: Độ co giãn nghèo theo hệ số Gini;

Gini: Hệ số Gini ở năm cơ sở;

P : Mức độ nghèo ở năm cơ sở;

∂P : Chênh lệch mức độ nghèo giữa năm hiện tại và năm cơ sở; và

$\partial Gini$: Chênh lệch hệ số Gini giữa năm hiện tại và năm cơ sở.

Sen & cộng sự (2004) sử dụng dữ liệu của Bangladesh ước lượng mức độ nghèo - chỉ số thực tế và hệ số Gini ở ba thời điểm: 1992, 1996 và 2000. Sau đó loại trừ thay đổi trong phân phối thu nhập bằng cách cố định hệ số Gini, mức độ nghèo (biến động khi bất bình đẳng không đổi) thấp hơn chỉ số thực tế nên việc nghiên cứu ảnh hưởng của tăng trưởng đối với giảm nghèo có thể bỏ qua tác động nhiễu của bất bình đẳng.

2.2. Đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm

Ravallion & Chen (2003) trình bày đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm: Dọc theo trục hoành là các nhóm phần trăm dân số từ nghèo nhất cho đến nhóm phần trăm dân số giàu nhất theo thứ tự từ trái sang phải; Trục tung biểu thị tỉ lệ tăng trưởng tiêu dùng (hoặc thu nhập) hàng năm. Nếu đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm luôn nằm phía trên trục hoành cho thấy mức thu nhập của các nhóm này đều tăng lên giữa 2 thời điểm năm 2008 và năm 2010. Nếu đường này dốc lên, thu nhập tăng nhanh dần từ nhóm giàu hơn tới nhóm nghèo hơn, điều đó cũng có nghĩa là bất bình đẳng tăng, chẳng hạn như trường hợp Bangladesh (Sen & cộng sự, 2004), đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm luôn luôn nằm trên trục hoành và dốc lên, điều này cho thấy mức nghèo đã giảm nhưng tăng trưởng có xu hướng làm tăng bất bình đẳng hơn là giảm nghèo. Trường hợp này khác hẳn tại Indonesia, khi nền kinh tế nước này bị ảnh hưởng của khủng hoảng Đông Á năm 1997, đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm nằm bên dưới trục hoành và dốc xuống (Timmer, 2005). Tỉ lệ nghèo tăng và có vẻ như cuộc khủng hoảng tác động tới nhóm giàu với thu nhập cao mạnh hơn là nhóm nghèo với thu nhập thấp.

Đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm cũng thích hợp khi áp dụng kĩ thuật này để phân tích cho từng nhóm phân loại dân số theo khu vực, ví dụ: ở các vùng nông thôn và thành thị khác biệt, hoặc những khu vực khác nhau trong nước. Trong một nghiên cứu tại Ghana của McKay (2007), đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm quốc gia cho thấy mức tăng trưởng dương ở mọi nhóm phân loại dân số trong suốt thời kì khảo sát trong khi đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm cho các nhóm địa phương lại cho thấy có sự tăng trưởng âm cho một số khá lớn các hộ gia đình ở vùng bắc Savannah. Mặc dù vậy, các tăng trưởng âm của nhóm các địa phương này không xuất hiện được trên đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm quốc gia vì nó chỉ mô tả độ trung bình của cả nước.

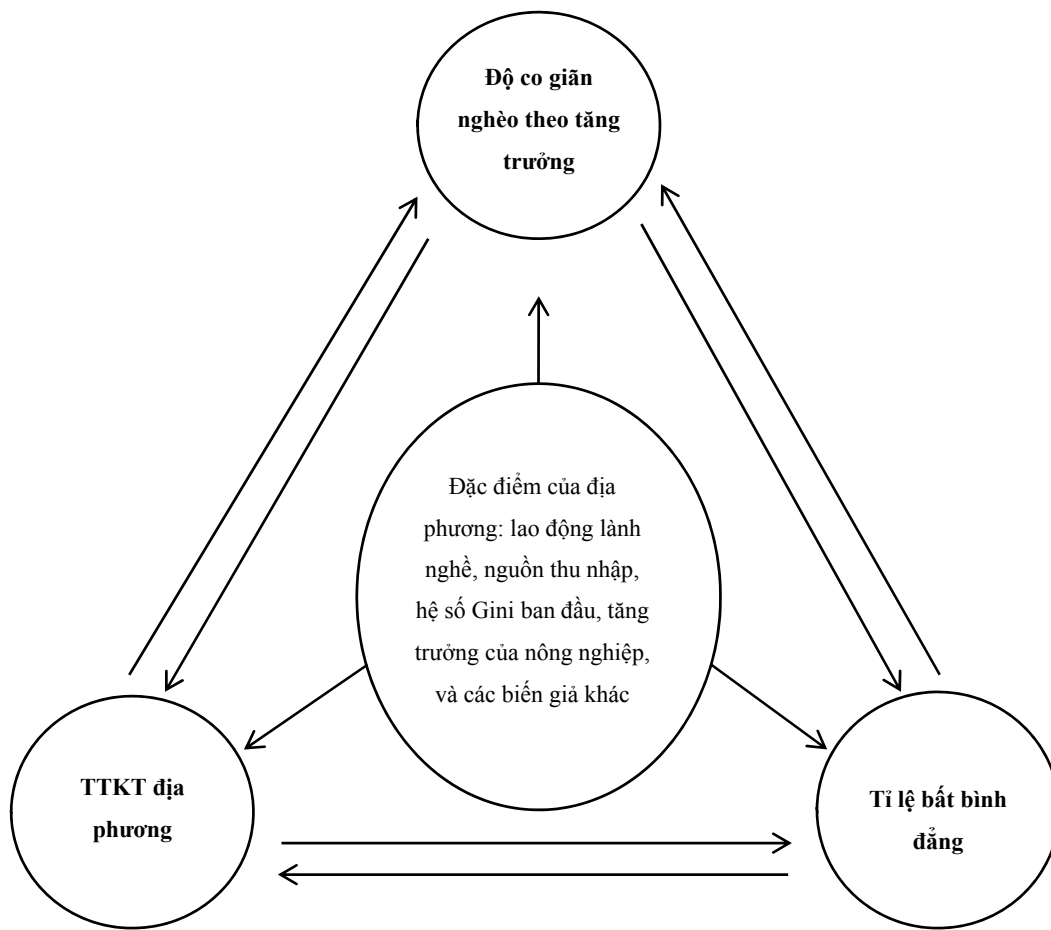
2.3. Mức tăng trưởng vì người nghèo

Những công trình nghiên cứu quốc gia trong Chương trình nghiên cứu tăng trưởng thực thi vì người nghèo (Operationalizing Pro-Poor Growth Research Program - OPPG) tập trung hơn vào khái niệm tuyệt đối về tăng trưởng vì người nghèo từng được Ravallion

& Chen (2003) phát triển. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp các nhà phân tích có thể muốn tính toán các khái niệm tương đối hơn. Điển hình là những nghiên cứu như: Kakwani & Pernia (2000), và Kakwani & cộng sự (2004).

Khái niệm của Ravallion & Chen (2003) về tỉ lệ tăng trưởng vì người nghèo cho biết tỉ lệ tăng trưởng trung bình cho các nhóm phần trăm dân số được xếp loại nghèo trong giai đoạn đầu. Điều này liên quan tới một khái niệm tuyệt đối về tăng trưởng vì người nghèo, bằng cách trả lời câu hỏi “liệu tăng trưởng có giảm nghèo không”. Nó cũng liên quan chặt chẽ với đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm; tỉ lệ tăng trưởng vì người nghèo tương đương với tỉ lệ tăng trưởng trung bình của mọi nhóm phần trăm dân số nằm trên mức sống tối thiểu (ngưỡng nghèo), không tương đương với tỉ lệ tăng trưởng thu nhập trung bình của người nghèo. Nếu tỉ lệ tăng trưởng vì người nghèo cao hơn tỉ lệ tăng trưởng bình thường (tỉ lệ tăng trung bình của toàn dân số), điều này chỉ ra rằng tăng trưởng vì người nghèo chỉ mang tính tương đối; nếu tỉ lệ này thấp hơn thì tăng trưởng chỉ gắn liền với việc gia tăng bất bình đẳng giữa các hộ nghèo và không nghèo.

Mối liên hệ giữa tỉ lệ tăng trưởng vì người nghèo và tỉ lệ tăng trưởng trung bình có thể được minh họa bằng cách thêm vào đường tăng trưởng thu nhập theo nhóm một trục hoành (đường ngang) cho tỉ lệ tăng trưởng chung. Những tỉ lệ tăng trưởng vì người nghèo có thể tính được cho những ngưỡng nghèo khác nhau, và cụ thể cho từng ngưỡng nghèo được ta chọn. Điều này có thể rất có giá trị khi xét tới những tỉ lệ tăng trưởng trong nhóm dân số nghèo nhất.



Hình 1. Khung nghiên cứu

Cách tiếp cận theo hệ phương trình đồng thời được áp dụng để ghi nhận tương tác giữa các biến, như: Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng, độ co giãn nghèo theo hệ số Gini, TTKT, và những đặc điểm của địa phương được dùng làm biến kiểm soát.

3. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU MÔ TẢ VÀ SO SÁNH

3.1. Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng kinh tế

Yêu cầu tiên quyết cho quá trình công nghiệp hóa là tăng trưởng vì người nghèo. Để đo lường mức độ nghèo có thể sử dụng: tỉ lệ nghèo (P_0), chỉ số khoảng cách nghèo (P_1), và chỉ số khoảng cách nghèo bình phương (P_2) theo phương pháp do Foster & cộng sự (1984) đề xuất. Công thức tổng quát có thể được viết như sau:

$$P_{\alpha} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^q \left(\frac{z-y_i}{z} \right)^{\alpha} \quad (3)$$

Trong đó,

- n: Tổng số hộ được khảo sát;
- q: Số lượng hộ nghèo;
- z: Ngưỡng nghèo;
- y_i : Thu nhập của hộ gia đình thứ i ; và
- α : Thông số phản ánh trọng số đặt cho độ sâu của nghèo.

Việc lí giải chỉ số tùy thuộc vào giá trị của α . Mức độ nghèo thường được đo lường bằng: (1) Tỷ lệ nghèo ($\alpha = 0$; tỉ lệ một dân số nào đó thuộc nhóm nghèo), (2) Chỉ số khoảng cách nghèo ($\alpha = 1$; tính đến thâm hụt trung bình dưới ngưỡng nghèo), và (3) Chỉ số khoảng cách nghèo bình phương ($\alpha = 2$; đặt trọng số lớn hơn nữa cho nhóm nghèo nhất trong dân số nghèo, và như thế xảy ra vấn đề nhạy cảm do bất bình đẳng nảy sinh giữa những người nghèo) [1].

Tầm quan trọng của TTKT để giảm nghèo được các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách chấp nhận rộng rãi, nhưng vẫn có khác biệt đáng kể trong mức độ mà tăng trưởng được chuyển hóa thành giảm nghèo. Độ co giãn của nghèo theo tăng trưởng tạo ra một thước đo cho thấy tăng trưởng được chuyển hóa thành giảm nghèo hiệu quả đến mức nào, và nó có thể được dùng như điểm xuất phát cho việc nhận diện những nhân tố góp phần nâng cao mức độ hiệu quả này.

Bằng Bộ dữ liệu khảo sát về mức sống hộ gia đình VN (VHLSS2008 và VHLSS2010), và dữ liệu về tổng sản lượng của 63 tỉnh thành được lấy từ Tổng cục Thống kê, tác giả tiến hành tính toán, đo lường mức độ nghèo thông qua các chỉ số khác nhau bao gồm: P_0 , P_1 , và P_2 theo TTKT để tìm lời giải cho câu hỏi: Tăng trưởng vì người nghèo diễn ra ở đâu tại VN?

Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng có thể được viết như sau:

$$E_{gi}^{P_{0i}} = \frac{\frac{P_{0i}^{2010} - P_{0i}^{2008}}{P_{0i}^{2008}}}{\frac{GDP_i^{2010} - GDP_i^{2008}}{GDP_i^{2008}}} \quad i = \overline{1,63} \quad (4)$$

Trong đó,

$E_{gi}^{P_{oi}}$: Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng tại địa phương i ($i=(1,63)$);

P_{oi}^{2010} và P_{oi}^{2008} : Tỉ lệ nghèo của địa phương ($i = \overline{1,63}$) trong năm 2010 và 2008 ($i=(1,63)$); và

GDP_i^{2010} và GDP_i^{2008} : Tổng sản lượng của địa phương i ($i = \overline{1,63}$) trong năm 2010 và 2008.

Độ co giãn cho biết rằng khi tổng sản lượng của địa phương i tăng 1% trong khoảng giữa hai năm khảo sát đó thì tỉ lệ nghèo sẽ tăng/giảm bao nhiêu phần trăm. Như vậy, tăng trưởng vì người nghèo ở địa phương có thể được tính ra một cách tương đối.

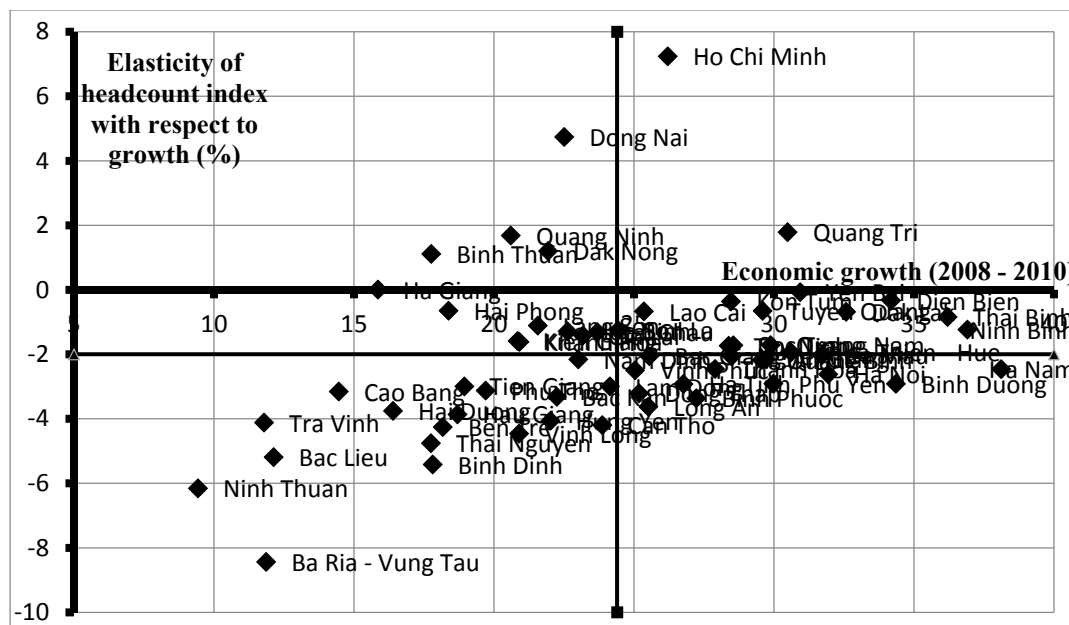
Hai địa phương Quảng Ngãi và Bắc Ninh bị loại khỏi bộ dữ liệu bởi vì đây là những điểm dữ liệu đạt cực đại (tỉ lệ tăng trưởng rất cao). Tỉ lệ nghèo của Đà Nẵng thì bằng 0 và cũng bị loại ra khỏi bộ dữ liệu. Giá trị trung bình của tỉ lệ TTKT toàn quốc và trung bình của độ co giãn toàn quốc của tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng được tính toán và vẽ trong Hình 2. Tác động của TTKT đối với giảm nghèo thay đổi một cách tương đối theo từng địa phương. Dựa trên trung bình của tỉ lệ tăng trưởng toàn quốc và trung bình của độ co giãn toàn quốc của tỉ lệ nghèo, có thể nhận diện bốn khu vực như sau:

- Khu vực 1: Hà Nam, Bình Dương, Hà Nội, Phú Yên, Bình Phước, Long An, Đồng Tháp và nhiều địa phương khác (góc dưới thấp, bên phải của Hình 2) đạt tỉ lệ tăng trưởng và giảm nghèo cao. Những địa phương này đã đạt được tăng trưởng vì người nghèo. Những địa phương này đã đạt được cùng lúc hai mục tiêu quốc gia: Tỉ lệ tăng trưởng cao và giảm nghèo mạnh.

- Khu vực 2: TP.HCM và Quảng Trị (góc trên cao, bên phải của Hình 2) đạt tăng trưởng cao, nhưng độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng lại tăng. Nguyên nhân của tình trạng này là tác động của suy thoái kinh tế thế giới đã xảy ra rất sâu rộng tại hai địa phương này.

- Khu vực 3: Ninh Thuận, Bạc Liêu, Trà Vinh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thái Nguyên, Cao Bằng, Hải Dương, Bình Định và nhiều địa phương khác (góc dưới thấp, bên trái của Hình 2) không đạt TTKT cao, nhưng cải thiện được tỉ lệ nghèo một cách đáng kể.

- Khu vực 4: Đồng Nai, Quảng Ninh, Đắk Nông, và Bình Thuận không những đạt mức tăng trưởng thấp mà còn để tỉ lệ nghèo tăng thêm (góc trên cao, bên trái của Hình 2). Các địa phương này không đạt được cả hai mục tiêu quốc gia trên.



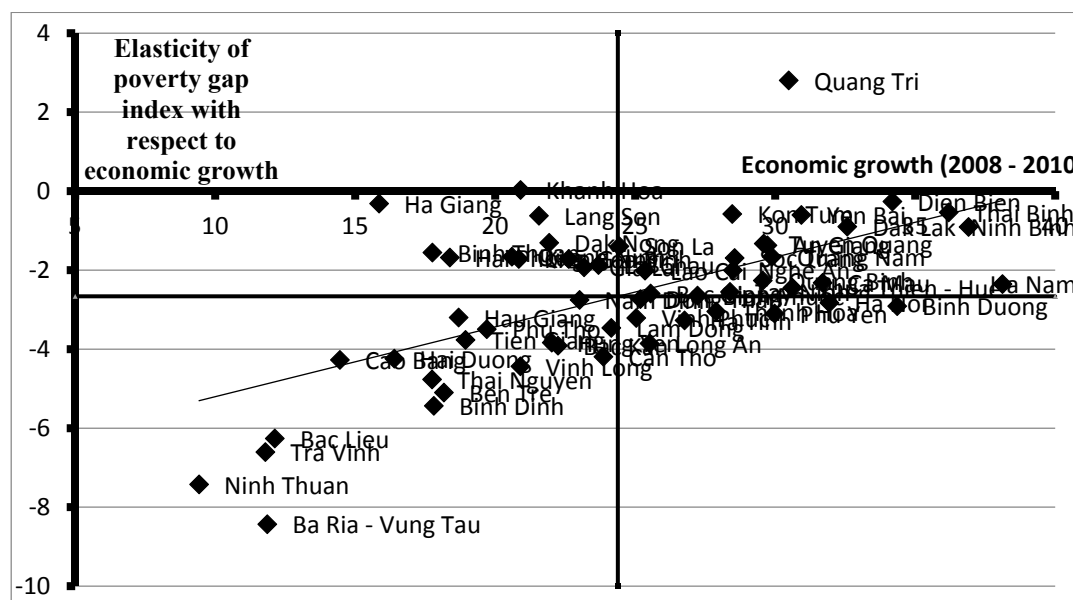
Hình 2. Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng của các địa phương (2008 - 2010)

Ghi chú: Đường thẳng đứng là trung bình tỉ lệ TTKT cả nước; đường nằm ngang là trung bình độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng.

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ dữ liệu khảo sát về mức sống hộ gia đình VN (VHLSS2008 và VHLSS2010), và số liệu thống kê từ Tổng cục Thống kê.

Chỉ số khoảng cách nghèo là một thước đo mức độ nghèo. Nó được định nghĩa là khoảng cách nghèo trung bình trong dân số như một tỉ lệ của ngưỡng nghèo. Chỉ số khoảng cách nghèo là một cải tiến so với thước đo mức độ nghèo bằng tỉ lệ nghèo, thay vì chỉ đếm số người đang ở dưới ngưỡng nghèo và xem tất cả là nghèo như nhau, thì chỉ số khoảng cách nghèo giúp ước lượng độ sâu của nghèo bằng cách khảo sát bình quân người nghèo cách xa ngưỡng nghèo đến mức nào. Như thế, độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng sẽ đo lường với sự gia tăng 1% trong TTKT sẽ làm giảm độ sâu nghèo tới mức nào. Trung bình tỉ lệ tăng trưởng cả nước và trung bình độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng được tính toán và vẽ lại trong Hình 3.

Những địa phương có điểm dữ liệu cực đại bị loại khỏi bộ dữ liệu là: (1) Các địa phương Quảng Ngãi và Bắc Ninh có tỉ lệ tăng trưởng cao; (2) Tỉ lệ nghèo của Đà Nẵng ngang bằng 0; và (3) Các độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo của TP.HCM và Đồng Nai là 12% và 6% theo thứ tự. Cả hai địa phương này là trường hợp ngoại biên.



Hình 3. Độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng của các địa phương (2008-2010)

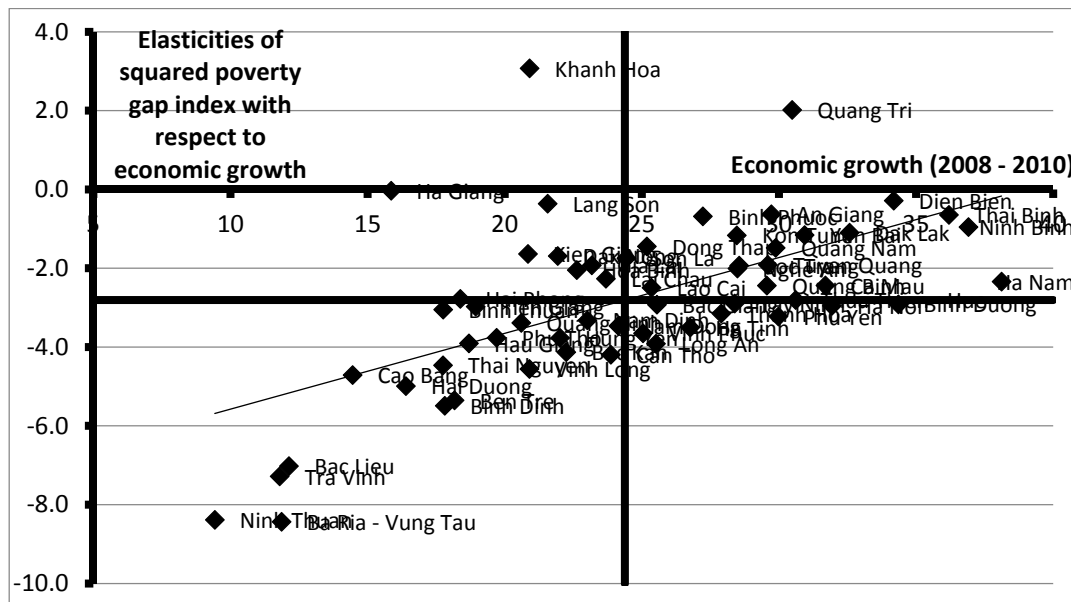
Ghi chú: Đường thẳng đứng là trung bình tỉ lệ TTKT cả nước; đường nằm ngang là trung bình độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng.

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ dữ liệu khảo sát về mức sống hộ gia đình VN (VHLSS2008 và VHLSS2010), và số liệu thống kê từ Tổng cục Thống kê.

Một trong những phát hiện thú vị là có quan hệ tuyến tính chặt chẽ giữa TTKT và độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo, ngoại trừ điểm dữ liệu dương cực đại của Quảng Ninh và điểm dữ liệu âm cực đại của Bà Rịa-Vũng Tàu, Ninh Thuận, Trà Vinh, và Bạc Liêu (Hình 4). Như vậy, xu thế rất rõ là TTKT làm tăng độ sâu của nghèo.

Chỉ số khoảng cách nghèo bình phương giúp nêu bật khoảng cách thu nhập trong nhóm dân số nghèo. Phương pháp này bình phương khoảng cách nghèo của mỗi hộ, và do đó càng nhấn mạnh hơn nữa những điểm nằm xa ngưỡng nghèo hơn là những hộ nằm gần. Chỉ số khoảng cách nghèo bình phương rất giống với chỉ số khoảng cách nghèo vì nó cũng đo lường mức độ nghèo dựa trên khoảng cách so với ngưỡng nghèo. Chênh lệch

giữa hai chỉ số này đo là những khoảng thiếu hụt của người nghèo dưới ngưỡng nghèo được bình phương lên, làm cho khoảng cách nghèo càng xa gấp bội, khiến cho người rất nghèo trở thành rất rất nghèo. Chỉ số khoảng cách nghèo bình phương có lợi hơn cho những người nghèo nằm xa ngưỡng nghèo hơn vì họ sẽ được nhận mức hỗ trợ cao hơn từ Chính phủ do khoảng cách giữa những người nghèo với nhau đã được khắc họa rõ hơn. Nếu nhiều địa phương có cùng chỉ số khoảng cách nghèo, địa phương nào có chỉ số khoảng cách nghèo bình phương thấp thì dễ khắc phục nghèo hơn địa phương có chỉ số này cao.



Hình 4. Độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng của các địa phương (2008-2010)

Ghi chú: Đường thẳng đứng là trung bình tỉ lệ TTKT cả nước; đường nằm ngang là trung bình độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng.

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ dữ liệu khảo sát về mức sống hộ gia đình VN (VHLSS2008 và VHLSS2010), và số liệu thống kê từ Tổng cục Thống kê.

TTKT đã tác động tích cực tới những độ co giãn của các chỉ số khoảng cách nghèo bình phương, ngoại trừ những điểm dữ liệu dương của Khánh Hòa, Quảng Trị, Lạng Sơn và Hà Giang, và những điểm dữ liệu âm của Bà Rịa-Vũng Tàu, Ninh Thuận, Trà Vinh, và Bạc Liêu (Hình 4).

3.2. Độ co giãn nghèo theo bất bình đẳng

Liệu bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng có thể tác động đến nghèo? Dựa trên công thức 2, độ co giãn nghèo theo hệ số Gini được tính theo công thức như sau:

$$E_{Gini_i}^{P_{0i}} = \frac{\frac{P_{0i}^{2010} - P_{0i}^{2008}}{P_{0i}^{2008}}}{\frac{Gini_i^{2010} - Gini_i^{2008}}{Gini_i^{2008}}} \quad i = \overline{1,63} \quad (5)$$

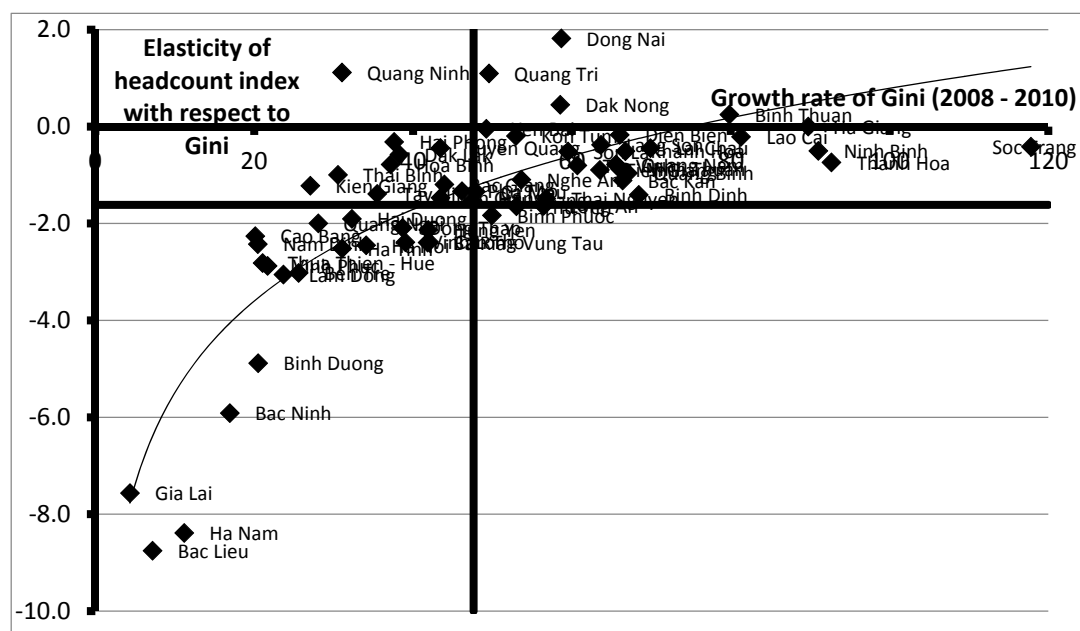
Trong đó,

$E_{Gini_i}^{P_{0i}}$: Độ co giãn nghèo theo Gini tại địa phương i ($i = \overline{1,63}$);

P_{0i}^{2010} và P_{0i}^{2008} : Mức độ nghèo của địa phương i ($i = \overline{1,63}$) trong năm 2010 và 2008 ($i = \overline{1,63}$); và,

$Gini_i^{2010}$ và $Gini_i^{2008}$: Hệ số Gini của địa phương i ($i = \overline{1,63}$) trong năm 2010 và 2008.

Độ co giãn nghèo theo Gini tại địa phương i cho biết khi hệ số Gini của địa phương i tăng 1% trong thời gian giữa hai năm khảo sát thì tỉ lệ nghèo sẽ tăng/giảm bao nhiêu phần trăm. Tác động của bất bình đẳng thu nhập/tiêu dùng đối với những độ co giãn nghèo có thể quan sát được một cách tương đối.



Hình 5. Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo hệ số Gini

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ dữ liệu khảo sát về mức sống hộ gia đình VN (VHLSS2008 và VHLSS2010)

Tỉ lệ nghèo của Đà Nẵng ngang bằng 0 và do đó bị loại khỏi bộ dữ liệu. TP.HCM cũng bị loại khỏi bộ dữ liệu vì độ co giãn tỉ lệ nghèo theo Gini tương đối cao (8,4%). Có bằng chứng rõ rệt cho thấy tỉ lệ tăng Gini cao sẽ dẫn tới độ co giãn tỉ lệ nghèo theo Gini thấp hơn. Mức tăng ngày càng lớn của khoảng cách giàu - nghèo tác động mạnh tới công cuộc xóa đói giảm nghèo. Có mối quan hệ phi tuyến tính chặt chẽ giữa hai biến này. Đồng Nai, Quảng Trị, Đắk Nông, và Quảng Ninh là những nơi có điểm dữ liệu cực đại với độ co giãn tỉ lệ nghèo theo hệ số Gini đạt giá trị dương rất cao.



Figure 1 is a scatter plot showing the relationship between the elasticity of squared poverty rate with respect to Gini rate with respect to Gini (Y-axis) and the growth rate of Gini (X-axis). The Y-axis ranges from -12.0 to 2.0, and the X-axis ranges from 20 to 120. A curve is fitted to the data points, showing a positive correlation. A vertical line is drawn at the mean of the Gini rate (approximately 60). The data points are labeled with province names: Quang Tri, Khanh Hoa, Binh Phuoc, Gia Lai, Bac Lieu, Ha Nam, Binh Duong, Vinh Phuc, Thanh Hoa, Ninh Binh, Soc Trang, and others. The curve is labeled 'Growth rate of Gini'.

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ dữ liệu khảo sát về mức sống hộ gia đình VN (VHLSS2008 và VHLSS2010)

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn phát hiện ra những tác động phi tuyến tính và có ý nghĩa thống kê của mức tăng Gini đối với độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo và khoảng cách nghèo bình phương. Những địa phương có hệ số Gini tăng cao sẽ gặp khó khăn trong việc giảm nghèo và giảm độ sâu của nghèo.

4. TIẾP CẬN THEO HỆ PHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG THỜI

Tuy phân tích dữ liệu so sánh và mô tả và cách tiếp cận phương trình đơn trình bày được những phát hiện quan trọng, các phương pháp này vẫn gặp phải những ước lượng thiên lệch ở chừng mực nào đó. Các kết quả cũng chỉ ra nhu cầu phải khảo sát cơ chế mà qua đó TTKT và bất bình đẳng ảnh hưởng tới nghèo. Phần này được dành cho việc chi tiết hóa và ước lượng một mô hình hệ phương trình đồng thời và lần lượt trình bày: (1) Những đặc điểm của mô hình phương trình đồng thời; (2) Cấu trúc của mô hình hệ hàm ứng xử kinh tế - xã hội; và (3) Kết quả của mô hình và những phát hiện chủ yếu.

4.1. Những đặc điểm của mô hình phương trình đồng thời

Mô hình hệ phương trình đồng thời có một số đặc điểm cần xem xét: (1) Biến ngoại sinh trong mô hình hồi quy một phương trình có thể trở thành biến phụ thuộc trong một hàm hành vi khác trong hệ phương trình đồng thời; (2) Có thể có những tương tác phức tạp và ảnh hưởng phản hồi giữa các biến nội sinh; và (3) Mô hình hệ phương trình đồng thời giải thích cơ chế kinh tế - xã hội mà qua đó nhà hoạch định chính sách quan sát được những tác động trực và gián tiếp đối với các biến có liên quan. Chiều hướng của tính nhân quả cũng được khảo sát.

4.2. Cấu trúc của mô hình hệ phương trình đồng thời

Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng có thể viết như sau:

$$e_i_P_j = f(Gini_i^{2008}, g_i_Gini, GDP_i^{2008}, g_i, g_i_skill, Dummy_eP_0) \quad (6)$$

Trong đó,

$e_i_P_j$ (i là địa phương i [$i = \overline{1,63}$] và $j=0, 1, 2$): Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng ($j=0$), độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng ($j=1$), và độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng ($j=2$) của địa phương i theo thứ tự;

$Gini_i^{2008}$: Mức độ ban đầu của bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng tại địa phương i vào năm cơ sở 2008. Nếu bất bình đẳng ban đầu tương đối cao hơn, độ co giãn nghèo sẽ có xu hướng trở nên thấp hơn theo chiều hướng do McKay (2007) đề xuất;

g_i_Gini : Mức tăng của hệ số Gini tại địa phương i trong khoảng giữa hai năm 2008 và 2010 (Nếu g_i_Gini tăng, độ co giãn nghèo theo tăng trưởng sẽ tăng; và khó mà giảm nghèo được khi bất bình đẳng tăng cao);

GDP_i^{2008} : Mức ban đầu của tổng sản lượng tại địa phương i vào năm cơ sở 2008; g_i là mức TTKT của địa phương trong giai đoạn 2008-2010; và g_i được kì vọng có tác động thuận chiều đối với độ co giãn nghèo theo tăng trưởng;

$g_i_unskill$: Mức tăng của lực lượng lao động lành nghề tại địa phương i trong khoảng thời gian giữa hai năm khảo sát (2008-2010); và $Dummy_eP_0$ là biến giả ($Dummy_eP_0=1$ nếu độ co giãn nghèo theo tăng trưởng lớn hơn zero và $Dummy_eP_0 = 0$ nếu độ co giãn nghèo theo tăng trưởng nhỏ hơn zero). Biến giả này được dùng để nhận diện một số điểm dữ liệu cực đại.

Hàm hành vi của TTKT của địa phương có thể được giải thích bằng:

$$g_i = f(e_i_P_j, g_i_agri, g_i_skill) \quad (7)$$

Trong đó,

g_i : Mức TTKT của địa phương trong giai đoạn 2008-2010;

$e_i_P_j$ (i là địa phương i [$i = \overline{1,63}$] và $j = 0, 1, 2$): Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng ($j=0$), độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng ($j=1$), và độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng ($j=2$) của địa phương i theo thứ tự;

g_i_agri : Tăng trưởng của khu vực nông nghiệp tại địa phương i [$i = \overline{1,63}$]; và

g_i_skill : Mức tăng của lực lượng lao động lành nghề tại địa phương i trong khoảng thời gian giữa hai năm 2008 và 2010.

Hàm hành vi của mức tăng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng được định nghĩa như sau:

$$g_i_Gini = f(g_i_sources, g_i_skill) \quad (8)$$

Trong đó,

$g_i_sources$: Mức tăng của các nguồn thu nhập của hộ gia đình tại địa phương i , i [$i = \overline{1,63}$] trong khoảng 2008-2010 (số lượng những kênh mà qua đó hộ có thể kiếm được tiền, không phân biệt các khoản kiếm được bằng tiền từ mỗi kênh). Hộ gia đình có nhiều nguồn thu nhập có thể mở rộng mức tăng của khoảng cách giàu-nghèo; và nếu mức tăng của lực lượng lao động lành nghề tại địa phương i đạt giá trị cao thì g_i_Gini sẽ tăng.

4.3. Kết quả của mô hình và những phát hiện

Để giải thích những tương tác của độ co giãn nghèo theo tăng trưởng ở địa phương, bất bình đẳng, mô hình hệ phương trình đồng thời gồm các phương trình (1), (2) và (3) được sử dụng. Kết quả ước lượng thu được như sau:

Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng ($j = 0$)

$$eP_0_g = -11,981 + 0,131 \text{ Gini}^{2008} + 0,016 \text{ g_Gini} + 0,181 \text{ g} + 0,126 \text{ g_skill} + 5,121 \text{ Dum_eP}_0 \quad (9)$$

(1,641) (0,041) (0,009) (0,026) (0,054) (0,533)

$$g = 16,582 + 0,556 eP_0_g - 0,724 \text{ g_agri} - 0,258 \text{ g_skill} \quad (10)$$

(1,863) (0,254) (0,103) (0,176)

$$\text{g_Gini} = 55,029 + 0,712 \text{ g_sources} - 1,972 \text{ g_skill} \quad (11)$$

(3,526) (0,405) (0,808)

Độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng ($j = 1$)

$$eP_1_g = -11,851 + 0,103 \text{ Gini}^{2008} + 0,020 \text{ g_Gini} + 0,195 \text{ g} + 0,142 \text{ g_skill} + 6,776 \text{ Dum_eP}_1 \quad (12)$$

(2,293) (0,056) (0,012) (0,036) (0,080) (0,1018)

$$g = 17,669 + 0,620 eP_1_g - 0,681 \text{ g_agri} - 0,347 \text{ g_skill} \quad (13)$$

(1,911) (0,218) (0,103) (0,178)

$$\text{g_Gini} = 55,029 + 0,712 \text{ g_sources} - 1,972 \text{ g_skill} \quad (14)$$

(3,526) (0,405) (0,808)

Độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng ($j = 2$)

$$eP_2_g = -20,795 + 0,244 \text{ Gini}^{2008} + 0,054 \text{ g_Gini} + 0,290 \text{ g} + 0,686 \text{ g_skill} \quad (15)$$

(4,727) (0,117) (0,024) (0,075) (0,151)

$$g = 16,410 + 0,339 eP_2_g - 0,724 \text{ g_agri} - 0,346 \text{ g_skill} \quad (16)$$

(1,771) (0,144) (0,101) (0,187)

$$\text{g_Gini} = 55,029 + 0,712 \text{ g_sources} - 1,972 \text{ g_skill} \quad (17)$$

(3,526) (0,405) (0,808)

Sai số chuẩn được ghi trong ngoặc. Mọi biến giải thích đều có ý nghĩa thống kê khác 0. Kết quả thu được của mô hình hệ phương trình đồng thời cho biết:

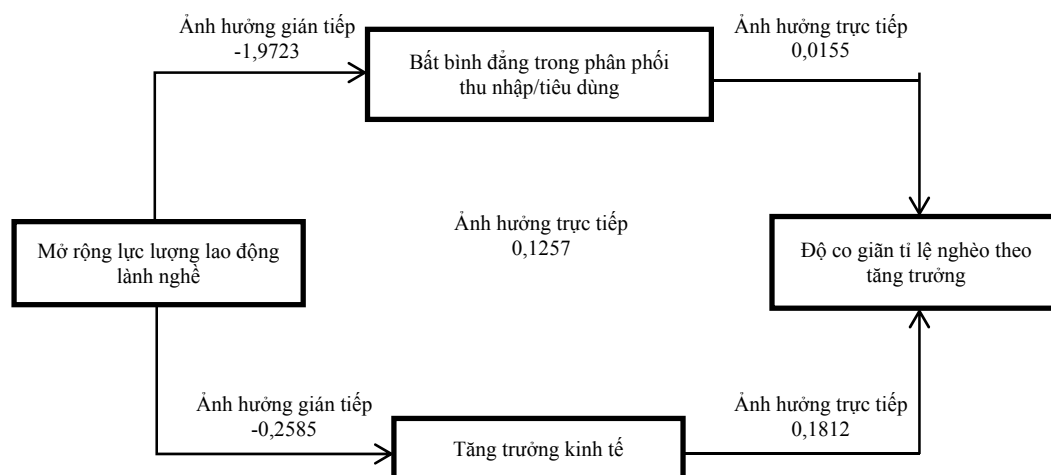
Một là, độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng

- Hệ số Gini ở năm cơ sở 2008 dựa trên bất bình đẳng chi tiêu ban đầu, tác động về mặt thống kê tới độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng (phương trình 9). Điều đó có nghĩa là một mức bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng ban đầu cao hơn sẽ dẫn đến việc cần phải giảm độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng ở mức cao. Đây là khó khăn cho các địa phương khi muốn xóa bỏ tình trạng nghèo đói mà bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng đang ở mức cao;

- Mức tăng của hệ số Gini cũng tác động đến độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng. Những nỗ lực xóa đói giảm nghèo không chỉ tùy thuộc vào mức độ ban đầu của bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng mà còn tùy thuộc vào tỉ lệ tăng của bất bình đẳng (McKay, 2007).

- Hình 3 và những kết quả mô hình trong phương trình 9 cho thấy mức độ cao hơn của TTKT địa phương có xu hướng dẫn tới mức cao hơn của độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng (nghĩa là, mức độ thấp hơn của giảm nghèo). Địa phương nào có mức TTKT cao sẽ có tỉ lệ nghèo tương đối thấp hơn. Vì vậy, rất khó để giảm tỉ lệ nghèo xuống thấp hơn nữa tại những địa phương như thế.

- Có hai loại kênh trực tiếp và gián tiếp để sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề ảnh hưởng tới độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng. Với những kênh trực tiếp, sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề có tác động nghịch chiều đến độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng. Với những kênh gián tiếp, sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề có tác động nghịch chiều đến tỉ lệ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng (phương trình 11) và tỉ lệ bất bình đẳng tác động thuận chiều đến độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng. Ngoài ra, sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề tác động nghịch chiều đến TTKT và TTKT tác động thuận chiều đến độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng. Tác động ròng của việc mở rộng lực lượng lao động lành nghề làm cho độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng tiến dần đến giá trị 0.



Hình 8. Các kênh để sự mở rộng lực lượng lao động ảnh hưởng đến độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng

- TP.HCM, Đồng Nai, Quảng Ninh, Quảng Trị, Đắk Nông, Bình Thuận, và Hà Giang là những trường hợp ngoại lệ vì những nơi này có độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng đạt giá trị dương (Hình 3 và kết quả từ phương trình 9). Mức TTKT của các địa phương này không đóng góp vào việc hạ giảm tỉ lệ nghèo;

- Độ co giãn tỉ lệ nghèo theo tăng trưởng tác động thuận chiều đến TTKT (phương trình 10); và sự mở rộng khu vực nông nghiệp không đóng góp gì cho tăng trưởng của địa phương vì khu vực này kém hiệu năng;

- Địa phương nào có nguồn thu nhập nhiều hơn sẽ đạt tăng trưởng Gini cao hơn; và việc mở rộng lực lượng lao động lành nghề sẽ góp phần giảm thiểu bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng.

Hai là, độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng

- Những phát hiện tương tự được tìm thấy trong các hệ phương trình 12, 13 và 14. TP.HCM, Đồng Nai, Quảng Trị, và Khánh Hòa là những trường hợp ngoại lệ khi có độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo theo tăng trưởng đạt giá trị dương (Hình 4 và kết quả từ phương trình 12).

- Phát hiện đáng chú ý là Khánh Hòa giảm được tỉ lệ nghèo nhưng lại để khoảng cách nghèo tăng lên giữa hai năm khảo sát (so sánh Hình 2 với Hình 3).

- Tuy các địa phương Quảng Ninh, Đắk Nông, Bình Thuận, và Hà Giang cắt giảm được khoảng cách nghèo, nhưng tỉ lệ nghèo của họ lại tăng (so sánh Hình 2 với Hình 3).

Ba là, độ co giãn chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng

Khánh Hòa và Quảng Trị là hai trường hợp ngoại lệ vì họ có chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo tăng trưởng (Hình 4) và chỉ số khoảng cách nghèo bình phương theo hệ số Gini (Hình 7) đều đạt giá trị dương. TTKT và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng tạo ra khoảng cách nghiêm trọng giữa những người nghèo với nhau.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Các phương pháp chủ yếu được dùng trong bài này là phân tích dữ liệu mô tả và so sánh, có kết hợp sử dụng hệ phương trình đồng thời. Độ co giãn nghèo theo tăng trưởng và độ co giãn nghèo theo hệ số Gini được sử dụng để đo lường các nỗ lực giảm nghèo theo tăng trưởng và đo lường những tác động của bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng đối với nghèo theo phương pháp do McKay (2007) đề xuất. Hệ phương trình đồng thời được sử dụng để phân tích không chỉ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của các biến liên quan, mà cả tác động nhân quả giữa TTKT và độ co giãn nghèo theo

tăng trưởng. Những bộ dữ liệu sử dụng cho nghiên cứu này được chính thức lấy từ kết quả của Khảo sát mức sống hộ gia đình VN năm 2008 và 2010 (VHLSS2010 và VHLSS2008) và từ Tổng cục Thống kê.

Những phát hiện và hàm ý chính sách chủ yếu của nghiên cứu này là như sau:

Một là, tác động của TTKT của địa phương đối với giảm nghèo thay đổi tương đối theo địa phương. Dựa trên tỉ lệ tăng trưởng bình quân toàn quốc và độ co giãn nghèo theo tăng trưởng, ta có thể phân định tương đối bốn nhóm sau: (1) Đạt TTKT cao và giảm nghèo mạnh; (2) Đạt TTKT cao nhưng không đạt giảm nghèo; (3) Đạt giảm nghèo nhưng không đạt TTKT; và (4) Không đạt cả TTKT lẫn giảm nghèo. Chính phủ cần nhận diện rõ ở đâu thì tăng trưởng giảm được nghèo và ở đâu điều này không xảy ra.

Hai là, tác động của bất bình đẳng ngày càng tăng đối với giảm nghèo cũng biến thiên theo địa phương. Dựa trên mức tăng Gini trung bình toàn quốc và trung bình toàn quốc của độ co giãn nghèo theo tăng trưởng, ta có thể phân định tương đối bốn nhóm sau: (1) Đạt mức tăng Gini thấp và giảm nghèo; (2) Đạt mức tăng Gini thấp nhưng không đạt giảm nghèo; (3) Đạt giảm nghèo nhưng không đạt mức tăng Gini thấp; và (4) Không đạt cả mức tăng Gini thấp và giảm nghèo.

Ba là, độ co giãn nghèo theo tăng trưởng là một hàm hành vi của: (1) Hệ số Gini vào năm cơ sở; (2) Mức tăng của hệ số Gini; (3) TTKT; và (4) Sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề. Điều này có nghĩa rằng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng ban đầu, mức tăng của bất bình đẳng trong hai năm có liên quan (2008 và 2010), TTKT của địa phương, và sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề có tác động đáng kể tới độ co giãn nghèo theo tăng trưởng. Lãnh đạo địa phương cần nâng cao những chương trình huấn nghệ và khởi động những công trình phúc lợi xã hội có hiệu quả.

Bốn là, sự mở rộng lực lượng lao động lành nghề của địa phương tác động trực tiếp đến độ co giãn nghèo theo tăng trưởng và tác động gián tiếp đến độ co giãn nghèo theo tăng trưởng thông qua bất bình đẳng trong phân phối thu nhập/tiêu dùng và TTKT. Chính phủ và lãnh đạo địa phương có thể nhận ra, bằng trực giác, những khía cạnh đa chiều của lực lượng lao động lành nghề.

Năm là, những phát hiện đáng chú ý là: (1) Khánh Hòa giảm được tỉ lệ nghèo nhưng lại để khoảng cách nghèo tăng lên giữa hai năm khảo sát; và (2) Quảng Ninh, Đắk Nông, Bình Thuận và Hà Giang giảm được khoảng cách nghèo, nhưng lại tăng tỉ lệ nghèo bởi những chính sách giảm nghèo của Khánh Hòa khác với các chính sách của bốn địa phương kia. ■

Chú thích

[1] Độ sâu của nghèo đói khi được hiểu như sự thâm hụt bình quân của nhóm người nghèo sống dưới ngưỡng nghèo, và được tính bằng tỉ lệ P_1/P_0 .

Tài liệu tham khảo

- Datt, G., & Ravallion, M. (1992), "Growth and Redistribution Components of Changes in Poverty: A Decomposition with Application to Brazil and India", *Journal of Development Economics*, 38(2), 275-295.
- Kakwani, N., & Pernia, E.M. (2000), "What is Pro-Poor Growth?", *Asian Development Review*, 18(1), 1-16.
- Kakwani, N., Khandker, S., & Son, H.H. (2004), "Pro-Poor Growth: Concepts and Measurements with Country Case Studies", International Poverty Centre (IPC) Working Paper no. 1, Brazil.
- Lopez, J. H. (2004), *Pro-poor Growth: A Review of What We Know (and What We don't)*, World Bank's PREM Poverty Group.
- Foster, J., Greer, J., & Thorbecke, E. (1984), "A Class of Decomposable poverty Measures", *Econometrica*, 52(3), 761-766.
- McKay, A. (2007), "Introduction to Methods for Analysing the Distributional Pattern of Growth", In: Grimm, M., Klasen, S., & McKay, A. (eds.), *Determinants of Pro Poor Growth: Analytical Issues and Findings from Country Cases*, Palgrave-Macmillan. ISBN 9781403987624
- Ravallion, M. (2004), *Pro-poor Growth: A Primer*, Development Research Group, World Bank.
- Ravallion, M., & Chen, S. (2003), "Measuring Pro-Poor Growth", *Economics Letters*, 78(1), 93-99.
- Sen, B., Mujeri, M. K., & Shahabuddin, Q. (2004), "Operationalizing Pro-Poor Growth: Bangladesh as a Case Study", Paper Commissioned by AfD, BMZ (GTZ and KfW), DFID and the World Bank.
- Timmer, C. P. (2005), "Operationalizing Pro-Poor Growth: Indonesia", Paper Commissioned by AfD, BMZ (GTZ and KfW), DFID and the World Bank.
- Viện Khoa học Xã hội (2011), *Giảm nghèo ở VN: Thành tựu và thách thức*, Thế Giới Publisher, Hà Nội.
- World Bank (2012), *Well Begun, Not Yet Done: Vietnam's Remarkable Progress on Poverty Reduction and the Emerging Challenges*, Report No. 70798-VN, Hà Nội.